

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN TỪ XA

FACTORS INFLUENCING ON LEARNING MOTIVATION OF STUDENTS IN DISTANCE EDUCATION

Dương Phước Quý Châu, Nguyễn Thị Thanh Loan

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Received: 19/5/2025; Accepted: 13/6/2025; Published: 3/7/2025

Tóm tắt: Với lực lượng lao động toàn cầu hóa hiện nay, năng lực tiếng Anh đã trở thành một kỹ năng thiết yếu trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau. Đối với người học trưởng thành, đặc biệt là những người đang đi làm toàn thời gian hoặc theo học chương trình văn bằng hai, động lực học tập đóng vai trò then chốt quyết định sự thành công. Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tiếng Anh của học viên trong các chương trình đào tạo từ xa, qua đó xác định cách mà các yếu tố cá nhân, xã hội và bối cảnh tác động đến mức độ tham gia và sự kiên trì của họ trong việc học ngôn ngữ. Khách thể nghiên cứu là 135 học viên ngành Ngôn ngữ Anh đang theo học chương trình văn bằng hai từ xa tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Thông qua việc phân tích dữ liệu định tính từ kết quả khảo sát định lượng, nghiên cứu đã khám phá các yếu tố then chốt liên quan đến động lực học tiếng Anh của người học trưởng thành, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết đối với các nhà thiết kế chương trình học và các cơ sở giáo dục trong việc xem xét cả yếu tố tác động đến động lực học tập của học viên.

Từ khóa: động lực học tập, tiếng Anh, giáo dục từ xa, người học trưởng thành, Việt Nam, động lực công cụ.

Abstract: In today's globalized workforce, English proficiency has become an essential skill across diverse professional domains. For adult learners, particularly those engaged in full-time employment or pursuing second-degree programs, making learner motivation a key determinant of success. This study aims to investigate the factors that influence the learning motivation of students in distance English programs, aiming to identify how personal, social, and contextual variables shape their engagement and persistence in language learning. The study involves 135 English-majored students who are following the second-degree course at Hue University of Foreign Languages and International Studies. Through analyzing qualitative data combined with quantitative results obtained from surveys the research has explored key factors related to adult learners' motivation for learning English and consequently underscored the need for curriculum developers and institutions to consider elements of learners' learning motivation.

Keywords: EFL motivation, distance education, adult learners, Vietnam, instrumental motivation

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, năng lực sử dụng tiếng Anh đã trở thành một kỹ năng thiết yếu trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp. Đối với người lớn – đặc biệt là những người đang đi làm hoặc theo học hệ đào tạo văn bằng hai – động lực học tiếng Anh thường chịu ảnh hưởng bởi yêu cầu công việc và mục tiêu nghề nghiệp cá nhân. Đồng thời, trong thời đại giáo dục số, hình thức học từ xa ngày càng trở nên phổ biến đối với người học trưởng thành đang phải cân bằng giữa công việc, gia đình và học tập. Tuy nhiên, việc duy trì động lực trong môi trường học tự định hướng này là một thách thức lớn. Khác với học trực tiếp truyền thống, giáo dục từ xa thường thiếu sự hướng dẫn kịp thời và sự tương tác tức thì giữa người dạy và người học cũng như sự hợp tác giữa người học với nhau, khiến động lực học tập trở thành yếu tố then chốt quyết định thành công. Nghiên cứu này nhằm khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập tiếng Anh của người học trưởng thành trong chương trình đào tạo từ xa của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Vài nét cơ bản về động lực học tập

Để hiểu động lực học tập trong bối cảnh đào tạo từ xa, chúng ta cần kết hợp các lý thuyết về lĩnh vực tiếp thu ngôn ngữ thứ hai (SLA), giáo dục người lớn và tâm lý học học trực tuyến. Theo các lý thuyết này, động lực là yếu tố quan trọng để duy trì sự tham gia và đạt được kết quả học tập, đặc biệt trong học từ xa, nơi người học phải tự quản lý tiến độ mà không có sự giám sát thường xuyên.

Mô hình giáo dục-xã hội của Gardner và Lambert (1972) phân loại động lực thành hai loại: động lực công cụ (học để đạt được mục tiêu thực tế như việc làm) và động lực hội nhập (học để kết nối với cộng đồng ngôn ngữ). Đối với người học trưởng thành, động lực công cụ thường nổi bật hơn (Oxford & Shearin, 1994), nhưng thiếu sự tương tác xã hội có thể làm giảm động lực này theo thời gian.

Hệ thống động lực tự thân trong ngôn ngữ thứ hai của Dörnyei và Ushioda (2009) bổ sung khía cạnh cá nhân vào động lực, bao gồm: cái tôi lý tưởng, cái

tôi nên có và trải nghiệm học tập. Đối với người học từ xa, hình ảnh bản thân lý tưởng là một người sử dụng tiếng Anh thành thạo có thể có ý nghĩa thúc đẩy mạnh mẽ. Tuy nhiên, như Dörnyei và Ushioda (2009) đã chỉ ra, nếu không có trải nghiệm học tích cực hoặc phản hồi kịp thời, động lực này có thể dần mất đi.

2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập tiếng Anh của người học trường thành

Thuyết Tự Quyết (Self-Determination Theory) của Deci và Ryan (1985) chỉ ra rằng động lực nội tại được thúc đẩy khi người học cảm thấy có tự chủ, năng lực, và liên kết xã hội. Trong học tập từ xa, người học thường thiếu cảm giác “liên kết” do giảm tương tác với giáo viên và bạn học, dẫn đến giảm động lực nội tại. Tuy vậy, nếu chương trình học tạo điều kiện cho người học làm chủ tiến trình và cung cấp phản hồi rõ ràng, động lực có thể được củng cố. Các nghiên cứu gần đây ủng hộ các giả thuyết này. Lưu & Lưu (2023) cũng cho thấy hình thức học kết hợp (blended learning) giúp tăng động lực thông qua hỗ trợ giáo viên và hoạt động nhóm.

Ngoài ra, các yếu tố bên ngoài như yêu cầu công việc, điều kiện công nghệ, và trách nhiệm gia đình cũng có ảnh hưởng đáng kể đến động lực học tập của người học từ xa (Nguyễn & Nguyễn, 2024). Bên cạnh đó, nghiên cứu này cũng ghi nhận rằng người học trường thành tham gia các khóa học tiếng Anh như một phần của chiến lược phát triển nghề nghiệp dài hạn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng thiết kế nghiên cứu định tính và định lượng, sử dụng phương pháp phân tích nội dung đối với các câu trả lời mở trong bảng hỏi. Đối tượng nghiên cứu bao gồm 135 học viên trường thành đang theo học chương trình đào tạo từ xa văn bằng hai ngành Ngôn ngữ Anh tại một trường đại học công lập ở Việt Nam. Tất cả người tham gia đều trên 22 tuổi và đã có ít nhất một bằng đại học.

Người tham gia được yêu cầu mô tả bằng văn bản các yếu tố thúc đẩy hoặc làm giảm động lực học tiếng Anh của họ. Các phản hồi thu được được mã hóa và phân loại thành các nhóm chủ đề, dựa theo phương pháp phân tích chủ đề. Các nhóm chủ đề chính sau đó được đối chiếu với các khái niệm lý thuyết đã được công nhận trong lĩnh vực nghiên cứu động lực học ngôn ngữ thứ hai.

2.3. Kết quả nghiên cứu

Phân tích 135 phản hồi tự luận đã làm rõ bốn nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến động lực học tiếng Anh của người học trường thành trong hệ đào tạo từ xa, bao gồm: (1) yếu tố hỗ trợ từ phía nhà trường, (2) yêu cầu công việc, (3) nhu cầu xuất phát từ bản thân người học và (4) các yếu tố ngoại vi khác. Dữ liệu được mã hóa định tính từ các từ khóa và nội dung lặp lại trong phần chia sẻ của người tham gia khảo sát, được tóm tắt dưới dạng biểu đồ hình cột bên dưới.



Biểu đồ 1. Các nhóm yếu tố động lực học tiếng Anh của học viên hệ đào tạo từ xa

2.3.1. Yêu cầu công việc

Yêu cầu liên quan đến công việc được đề cập trong 73,3% phản hồi, là nhóm yếu tố có tần suất cao nhất. Các động lực này liên quan đến việc làm, sự nghiệp, phát triển nghề nghiệp, cơ hội việc làm, hoặc yêu cầu công việc. Nhiều học viên bày tỏ rằng việc học tiếng Anh là cần thiết để đáp ứng yêu cầu chuyên môn, thăng tiến trong công việc, hoặc phục vụ mục tiêu giao tiếp trong môi trường làm việc quốc tế. Diễn hình như:

“Công việc hiện tại của em chính là động lực để em đăng kí học môn học này. [...] công việc đòi hỏi cần có những bài nghiên cứu quốc tế, những công bố quốc tế và ước muốn được đi học tập cao hơn ở nước ngoài mà đã thúc đẩy em tiếp tục cố gắng trau dồi vốn tiếng Anh...” (S83)

Một số người học nêu rõ rằng tiếng Anh là điều kiện bắt buộc để được đề bạt chức vụ hoặc duy trì vị trí hiện tại, như chia sẻ của học viên S72:

“Hiện tại em đang làm việc tại 1 Trung tâm Tiếng Anh, công việc là trợ giảng cho giáo viên nước ngoài, Trung tâm của em cũng có liên kết với các trường công lập trên địa bàn để dạy lớp 1,2 do đang thiếu giáo viên biên chế môn Tiếng Anh, để được cử đi dạy tại các trường công thì em cần có bằng Ngôn ngữ Anh (vì bằng đại học đầu tiên của em là Quản lý Kinh tế).” (S72)

Điều này phản ánh động lực mang tính công

cụ (instrumental motivation) theo định nghĩa của Oxford và Shearin (1994), tức là học ngôn ngữ để đạt được các kết quả cụ thể và hữu hình.

2.3.2. Yếu tố từ phía nhà trường

Yếu tố được đề cập đáng kể là các yếu tố đến từ nhà trường và chương trình đào tạo, chiếm tỷ lệ hơn một nửa (51,9%) số người tham gia khảo sát đề cập đến. Người học nhấn mạnh vai trò của chất lượng giảng viên, phương pháp giảng dạy, tính khoa học của chương trình, cũng như mức độ dễ tiếp cận của tài liệu học tập. Nhiều người cho rằng cấu trúc khóa học và cách tổ chức lớp học có ảnh hưởng trực tiếp đến động lực duy trì việc học. Một người học chia sẻ:

“Theo em thì giảng viên đóng vai trò rất quan trọng, giảng viên là người có thể tạo được môi trường học tập thân thiện, động viên các sinh viên tự tạo nên môi trường cởi mở, là người cung cấp các tài liệu bổ ích cho sinh viên...” (S72)

“[...] môi trường học tập vì ĐH Ngoại ngữ Huế là trường uy tín chất lượng dạy và học” (S73)

“Càng học với các cô em càng có thêm niềm tin để từ từ nâng cao kỹ năng của mình. Mặc dù em còn yếu nhưng qua mỗi buổi học thấy các cô nhiệt tình [...] khiến em trông mỗi ngày để được học.” (S84)

Nhận định này phù hợp với khung lý thuyết đã được đề cập trước đó, cho rằng động lực học ngôn ngữ thường được định hình thông qua môi trường học tập mang tính xã hội.

2.3.3. Nhu cầu tự thân

Mặc dù có tần suất thấp hơn (46,7%), nhu cầu xuất phát từ nội tại người học vẫn là một động lực quan trọng đối với nhiều học viên. Các mục tiêu cá nhân bao gồm mong muốn hoàn thiện bản thân, sở thích học ngôn ngữ, hoặc tham vọng học tập lâu dài. Nhiều phản hồi thể hiện sự hài lòng, hứng thú hoặc tự hào khi đạt tiến bộ trong quá trình học.

2.3.4. Các yếu tố khác

Ngoài ba nhóm yếu tố chính, có khoảng 19% phản hồi nhắc đến những tác động hỗ trợ như ảnh hưởng từ bạn bè, gia đình, hoặc hình mẫu thành công. Trong đó, điển hình có gần 1/5 học viên đề cập đến yếu tố “học tiếng Anh để dạy con” khi được hỏi về động lực học tập của mình, ví dụ: “[...] học để chỉ dạy cho con và con học theo” (S106)

“Dạy con và giao tiếp với con nhiều hơn bằng tiếng Anh” (S109)

“Em học tiếng Anh để sau con em hỏi còn biết trả lời nữa” (S103)

Mặc dù không giữ vai trò chính, các yếu tố này có thể góp phần duy trì động lực, đặc biệt trong giai đoạn người học gặp khó khăn. Như học viên S128 chia sẻ: “[...] bạn bè đối với em là động lực to lớn nhất, mình không muốn bị tụt lại phía sau, mình

muốn thành công và trở thành phiên bản tốt hơn là động lực thúc đẩy mỗi ngày.”

2.4. Thảo luận và đề xuất / kiến nghị

Nghiên cứu này khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tiếng Anh của người lớn đang theo học các chương trình đào tạo từ xa văn bằng hai. Dựa trên dữ liệu định tính thu thập từ 135 học viên, nghiên cứu đã xác định bốn nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến động lực học tập: nhu cầu học tập cá nhân, yêu cầu nghề nghiệp, các yếu tố liên quan đến nhà trường/chương trình đào tạo, và các yếu tố xã hội hoặc bên ngoài khác.

Kết quả cho thấy người học trưởng thành chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu phát triển nghề nghiệp, mục tiêu học tập cao hơn và sự phát triển bản thân. Điều này phù hợp với các mô hình lý thuyết động lực học tập đã được công nhận như Hệ thống Tự ngã Động lực L2 (L2 Motivational Self System; Dörnyei, 2009), Thuyết Tự Quyết (Self-Determination Theory; Deci & Ryan, 1985) và Mô hình AMTB của Gardner (Gardner & Lambert, 1972). Ngoài ra, các yếu tố từ phía nhà trường như chất lượng môi trường học tập, sự hỗ trợ từ giảng viên và khả năng tiếp cận tài liệu học phù hợp đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì động lực lâu dài. Một số học viên cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của sự khuyến khích xã hội, hình mẫu tích cực và lịch trình học tập linh hoạt — những yếu tố đặc thù trong bối cảnh học từ xa của người lớn.

Những phát hiện này khẳng định tính đa chiều trong động lực học ngôn ngữ của người trưởng thành, nơi mà các giá trị nội tại, nhu cầu thực tiễn và hệ thống hỗ trợ từ bối cảnh học tập tương tác lẫn nhau. Việc hiểu rõ các yếu tố này sẽ tạo nền tảng thiết thực cho việc cải tiến thiết kế chương trình giảng dạy và hỗ trợ người học trong các khóa học tiếng Anh từ xa. Các đề xuất bao gồm:

Xây dựng chương trình học gắn với nghề nghiệp và cuộc sống thực tế: Vì các yêu cầu công việc và định hướng học tập nâng cao là những yếu tố thúc đẩy chính, nội dung khóa học tiếng Anh nên liên kết chặt chẽ với bối cảnh chuyên môn và đời sống. Ví dụ: đưa vào các tình huống giao tiếp nơi làm việc, từ vựng chuyên ngành, và bài tập mô phỏng công việc thực tế.

Thiết kế linh hoạt và lấy người học làm trung tâm: Người học trưởng thành thường phải cân bằng giữa học tập và trách nhiệm cá nhân. Do đó, chương trình nên cung cấp sự linh hoạt về thời gian học, tiến độ và hình thức bài tập.

Tạo dựng môi trường học tập tích cực và có hỗ trợ: Chất lượng giảng dạy và sự hỗ trợ từ nhà trường là điều cốt lõi.

Khuyến khích tương tác xã hội và cảm xúc tích cực: Việc xây dựng cộng đồng học tập và tăng cường tương tác giữa người học sẽ giúp giảm cảm giác cô lập và tăng khả năng duy trì khóa học.

3. Kết luận

Kết quả phân tích cho thấy, bên cạnh nhu cầu cá nhân và áp lực nghề nghiệp, các yếu tố học thuật từ nhà trường đóng vai trò then chốt trong việc duy trì động lực học tập của người lớn trong chương trình đào tạo từ xa. Chất lượng giảng dạy, tài nguyên học tập phù hợp và thiết kế khóa học có ảnh hưởng trực tiếp đến trải nghiệm và sự kiên trì của người học. Các kết quả này đặt ra yêu cầu cho các nhà thiết kế chương trình và đơn vị đào tạo cần xây dựng một hệ sinh thái học tập toàn diện kết hợp giữa yếu tố chuyên môn và yếu tố hỗ trợ tinh thần để thúc đẩy và duy trì động lực người học một cách hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Deci, E. L., & Ryan, R. M. (1985). *Intrinsic motivation and self-determination in human behavior*. New York: Plenum.
- [2]. Dörnyei, Z., & Ushioda, E. (2009). *Motivation, language identity and the L2 self*.

Bristol: Multilingual Matters.

- [3]. Gardner, R. C., & Lambert, W. E. (1972). *Attitudes and motivation in second language learning*. Newbury House Publishers.

- [4]. Oxford, R. L., & Shearin, J. (1994). *Language learning motivation: Expanding the theoretical framework*. The Modern Language Journal, 78(1), 12–28.

- [5]. Nguyen, L. A. P., & Nguyen, T. H. B. (2024). *A Study on Adult Learners of English as A Foreign Language in Vietnam: Motivations, Advantages, and Challenges*. International Journal of Language Instruction, 3(1), 31-42. <https://doi.org/10.54855/ijli.24313>

- [6]. Huỳnh, T. (2023). *Intrinsic and extrinsic motivation in EFL: A study on Vietnamese adult learners*. Asian EFL Journal, 25(2), 85–98.

- [7]. Luu, Q. K., & Luu, N. B. T. (2024). *Impacts of Blended Learning on Students' Learning Motivation and Attitudes: A Case Study of Vietnamese EFL Students*. International Journal of Educational Innovation and Research, 3(2), 196–212. <https://doi.org/10.31949/ijeir.v3i2.9874>

DẠY CẢM THỤ ÂM NHẠC CHO TRẺ 4 - 6 TUỔI THEO PHƯƠNG PHÁP MONTESSORI... (tiếp theo trang 244)

Bảng 3. Mức độ nâng cao năng lực dạy CTAN cho trẻ của GV (số mẫu n = 72)

Nhận định về mức độ học hỏi, nâng cao khả năng dạy CTAN cho trẻ của GV							
	Phần trăm (%)		Phần trăm (%)		Phần trăm (%)	Phần trăm (%)	
Học được nhiều	58,3	Học được khá nhiều	29,2	Có học được	12,5	Không học được	0
Việc sử dụng các kết quả nghiên cứu làm tư liệu tham khảo trong dạy CTAN cho trẻ của GV							
	Phần trăm (%)		Phần trăm (%)		Phần trăm (%)	Phần trăm (%)	
Sử dụng rất tốt	54,2	Sử dụng tốt	33,3	Có thể sử dụng	12,5	Không sử dụng	0

(Nguồn: Kết quả thực nghiệm)

Kết quả điều tra về mức độ nâng cao năng lực dạy CTAN cho trẻ của GV sau quá trình tập huấn chỉ ra có 58,3% GV đánh giá học hỏi được nhiều, 87,5% GV nhận định đã có học hỏi được khá nhiều, điều này giúp GV vận dụng tốt vào thực tiễn công tác giảng dạy tại trường.

3. Kết luận

Với nghiên cứu ứng dụng tại một số trường MN trên địa bàn thành phố Huế, chúng tôi đã đề xuất nội dung và cách tổ chức dạy CTAN cho trẻ 4 - 6 tuổi theo PP Montessori trong giờ vòng tròn nhằm giúp GV phát triển tốt khả năng CTAN cho trẻ. Các

nội dung đề xuất được luận giải chi tiết, cung cấp nguồn tư liệu mới cho GV tại các trường trong phạm vi nghiên cứu nói riêng và các trường MN trên toàn quốc có thể tham khảo và áp dụng. Tuy nhiên, quá trình vận dụng cần có thời gian và yếu tố liên quan đến cơ sở vật chất, trang thiết bị âm nhạc của nhà trường. GV cần đủ điều kiện về phương tiện giảng dạy, tạo được môi trường học tập phong phú, kích thích sự sáng tạo, hứng thú của trẻ mới mang lại kết quả tích cực.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Campbell, P. S., & Scott-Kassner, C. (2013). *Music in childhood: From preschool through the elementary grades* (4th ed.). Cengage Learning.

- [2]. Jutras, D. (n.d.). *Music and movement: The cultivation of listening, moving with rhythm, walking on the line, singing and notation with the Montessori bells and boards*. The Canadian Montessori Teacher Education Institute.

- [3]. Lillard, A. S. (2017). *Montessori: The science behind the genius* (3rd ed.). Oxford University Press.

- [4]. Montessori, M. (1967). *The discovery of the child* (M. J. Costelloe, Trans.). Ballantine Books. (Original work published 1948)

- [5]. Standing, E. M. (1998). *Maria Montessori: Her life and work* (Revised ed.). Plume.